

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2019

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Vũ Xuân Quế**.

- Bà **K'Líp**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Chiến** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Nh**; sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn M, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Huy Quang**; sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn M, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;

Trụ sở: Số 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết Thắng**; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bạch Tr**; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trương Nh trình bày: Bà và ông Phạm Q có quen biết và tìm hiểu về nhau trong khoảng thời gian hai năm thì quyết định đi đến hôn nhân. Ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 12 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng được ba đến bốn năm, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Q thường xuyên cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên vắng nhà, nhậu nhẹt say xỉn về đánh đập vợ con, ghen tuông mù quáng, luôn miệng đòi giết vợ, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau hơn hai năm, ông Q đi đâu bà không rõ, lâu lâu mới về nhà rồi lại đi. Nay bà thấy rằng còn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà và ông Phạm Q.

Về con chung: Ông bà có với nhau hai người con chung là cháu Phạm Kh sinh ngày 09/9/1998 và cháu Phạm D sinh ngày 04/12/2000. Hiện nay cháu Kh, D đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 42.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Nếu ly hôn, bà yêu cầu ông Q phải trả toàn bộ số nợ này.

Ngoài ra bà không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Phạm Q:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Phạm q nhiều lần nhưng ông Q không chấp hành, không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại các văn bản, tài liệu và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ trình bày:

Ông Phạm q, bà Trương Nh có vay nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay. Nay bà Nh và ông Q ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nh, ông Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành. Về

đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Trương Nh và ông Phạm Q ly hôn. Về con chung: Hiện nay cháu Kh, D đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung ông bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 42.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Bà Nh yêu cầu ông Q trả toàn bộ số nợ này. Do đây là nợ chung của ông Q, bà Nh nên cần buộc bà Nh, ông Q mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền là 21.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông Phạm Q được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt; Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nh và ông Q qua thời gian tìm hiểu hai năm thì quyết định đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/12/2002. Do đó, xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà Nh là hợp pháp. Do cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Q hay cờ bạc, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình, nhiều lần nhậu say về nhà đánh đập, đe dọa giết bà Nh nên từ năm 2017 đến nay ông bà đã không còn chung sống với nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống vợ chồng ông Q, bà Nh không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Nh.

[3] **Về con chung:** Ông Q, bà Nh có với nhau hai người con chung là cháu Phạm Kh sinh ngày 09/9/1998 và cháu Phạm D sinh ngày 04/12/2000. Hiện nay cháu Kh, D đã trưởng thành, phát triển bình thường, bà Nh không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] **Về nợ chung:** Ông Q, bà Nh có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ với tổng số tiền 42.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Nay bà Nh yêu cầu ông Q phải trả toàn bộ số tiền vay nói trên nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình nên cần buộc bà Nh, ông Q mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ tổng số tiền gốc là 21.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

[6] **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Trương Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm trả nợ chung. Ông Phạm Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm trả nợ chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 37, 51, 56, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trương Nh và bị đơn ông Phạm Q được ly hôn.

2. Về nợ chung: Buộc bà Trương Nh, ông Phạm Q mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ tổng tiền gốc 21.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay đã ký.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Trương Nh phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm thanh toán nợ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Trương Nh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003803 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trương Nh phải nộp thêm 1.050.000 đồng án phí. Buộc ông Phạm Q phải nộp 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm thanh toán nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, H. Đ
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng